

TÌNH HÌNH GIÁ CẢ MỘT SỐ NÔNG SẢN THỰC PHẨM

1. Ngành trồng trọt

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 28/10/2016 (đồng/kg)	Giá bán ngày 21/10/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 21/10/2016 (đồng/kg)		Địa điểm khảo sát giá
				Giá trị	%	
1	Bạc hà	24.000	22.000	2.000	9	(*)
2	Bắp cải	20.000	20.000	Giá không đổi		(*)
3	Bầu xanh	19.000	18.000	1.000	6	(*)
4	Bí đao	19.000	18.000	1.000	6	(*)
5	Bí đỏ hồ lô	20.000	20.000	Giá không đổi		(*)
6	Bí đỏ tròn	20.000	20.000	Giá không đổi		(*)
7	Bông so đũa	30.000	25.000	5.000	20	(*)
8	Cà chua	30.000	25.000	5.000	20	(*)
9	Cà rốt đà lạt	25.000	25.000	Giá không đổi		(*)
10	Cải ngồng	28.000	25.000	3.000	12	(*)
11	Cải ngọt	28.000	25.000	3.000	12	(*)
12	Cải thảo	22.000	22.000	Giá không đổi		(*)
13	Cải thìa	28.000	25.000	3.000	12	(*)
14	Cải xanh	28.000	25.000	3.000	12	(*)
15	Cần nước	30.000	30.000	Giá không đổi		(*)
16	Củ cải trắng	18.000	16.000	2.000	13	(*)
17	Củ sắn	15.000	15.000	Giá không đổi		(*)
18	Dấp cá	30.000	30.000	Giá không đổi		(*)
19	Đậu bắp	22.000	22.000	Giá không đổi		(*)
20	Đậu đũa	18.000	18.000	Giá không đổi		(*)
21	đậu que	35.000	35.000	Giá không đổi		(*)
22	Dưa leo	18.000	18.000	Giá không đổi		(*)
23	Dưa leo baby	19.000	19.000	Giá không đổi		(*)
24	Giá sống	11.000	11.000	Giá không đổi		(*)
25	Hành lột	40.000	40.000	Giá không đổi		(*)
26	Hẹ lá	25.000	25.000	Giá không đổi		(*)
27	Húng quế	40.000	40.000	Giá không đổi		(*)
28	Khô qua	20.000	20.000	Giá không đổi		(*)
29	Khoai mỡ	22.000	22.000	Giá không đổi		(*)
30	Muróp hương	17.000	16.000	1.000	6	(*)
31	Ngò gai	30.000	30.000	Giá không đổi		(*)
32	Ngò rí	70.000	60.000	10.000	17	(*)
33	Ớt hiểm	55.000	55.000	Giá không đổi		(*)
34	Rau đay	25.000	25.000	Giá không đổi		(*)
35	Rau đắng	12.000	12.000	Giá không đổi		(*)
36	Rau dền	20.000	18.000	2.000	11	(*)
37	Rau húng cây	40.000	40.000	Giá không đổi		(*)
38	Rau lang	13.000	13.000	Giá không đổi		(*)
39	Rau má	16.000	16.000	Giá không đổi		(*)
40	Rau mồng toi	20.000	18.000	2.000	11	(*)
41	Rau muống	18.000	17.000	1.000	6	(*)
42	Rau muống không lá	25.000	25.000	Giá không đổi		(*)
43	Rau ngót	20.000	18.000	2.000	11	(*)
44	Rau om	20.000	20.000	Giá không đổi		(*)
45	Rau thơm 4 loại	40.000	40.000	Giá không đổi		(*)
46	Su su	20.000	20.000	Giá không đổi		(*)

(*) HTX NN SX TM & DV Phước An, D11/24, ấp 4, Tân Quý Tây, Bình Chánh

2. Sữa tươi, thịt bò

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 28/10/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 21/10/2016 (đồng/kg)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước, ngày 28/9/2016 (đồng/kg)		Hình thức bán	Địa điểm khảo sát giá
			Giá trị		Giá trị	%		
1. Sữa tươi								
1.1	Giá mua sữa (Vinamilk)	13.300 đến 13.750 đ/lít	Giá không đổi		Giá không đổi		Giá thu theo HĐ	(1)
1.2	Giá mua sữa (Friesland - Campina)	12.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Giá thu theo HĐ	(1)
2. Thịt bò								
2.1	Bò Bắp	245.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(2)
2.2	Đùi bò	280.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(2)
2.3	Thăn nội	360.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(2)
2.4	Thăn ngoại	340.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(2)
3. Thịt heo								
3.1	Thịt heo đùi	80.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(3)
3.2	Thịt heo nạc	85.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(3)
3.3	Thịt heo hơi	45.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	(4)

(1) Sữa tươi lấy giá tại HTX NN Xuân Lộc, Trạm thu mua tại Vĩnh Lộc;

(2) Thịt bò lấy giá tại cửa hàng Vissan;

(3) Thịt heo đùi, nạc lấy giá tại chợ Bà Chiểu;

(4) Thịt heo hơi tại Trại heo hộ Nguyễn Thị Châu - xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn;

3. Trứng, gạo

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 28/10/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 21/10/2016 (đồng/kg)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước, ngày 28/9/2016 (đồng/kg)		Hình thức bán	Địa điểm lấy giá
			Giá trị		Giá trị	%		
1	Trứng gà (hộp 10 quả)	24.000 đ/10quả	Giá không đổi		+1.000	4	Bán lẻ	Bà Chiểu
2	Trứng vịt (hộp 10 quả)	35.000 đ/10quả	+4.000	13	+1.000	3	Bán lẻ	Bà Chiểu
3	Gạo một bụi	12.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiểu
4	Gạo nàng thom chợ Đào	20.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiểu

5	Gạo tài nguyên	16.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiêu
6	Gạo Đài Loan	18.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiêu
7	Gạo Tẻ thường	10.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán lẻ	Bà Chiêu

4. Thịt heo, thịt gia cầm

Stt	Tên mặt hàng	Giá bán ngày 28/10/2016 (đồng/kg)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 21/10/2016 (đồng/kg)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước, ngày 28/9/2016 (đồng/kg)		Hình thức bán	Địa điểm lấy giá
			Giá trị	%	Giá trị	%		
1. Thịt heo								
1.1	Heo bên (giá nhập chợ) thịt	52.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
1.2	Heo bên (giá bán thẳng) thịt	52.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
1.3	Heo mảnh loại 1	60.000 đ/kg	Giá không đổi		-2.000	-3	Bán buôn	(2)
1.4	Heo mảnh loại 2	49.000 đ/kg	-1.000	-2	-3.000	-6	Bán buôn	(2)
2. Thịt gia cầm								
2.1	Thịt gà tam hoàng	64.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
2.2	Thịt gà công nghiệp	41.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)
2.3	Thịt vịt tươi	60.000 đ/kg	Giá không đổi		Giá không đổi		Bán buôn	(1)

(1) lấy giá tại chợ Bình Điền;

(2) lấy giá tại chợ Hóc Môn.

5. Tinh heo, thức ăn gia súc

Stt	Tên mặt hàng	Quy cách	Giá bán ngày 28/10/2016 (đồng/bao)	Tăng (+) giảm (-) so với tuần trước, ngày 21/10/2016 (đồng/bao)		Tăng (+) giảm (-) so với tháng trước, ngày 28/9/2016 (đồng/bao)		Ghi Chú
				Giá trị	%	Giá trị	%	
a. Tinh heo								
1	Tinh heo CP	Liều	55.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
b. Heo giống								

1	Heo giống (20kg)	Kg	85.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
c. Thức ăn hỗn hợp								
1	Từ 15kg đến 30 kg (CP)	Bao 25kg	232.500	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
2	Từ 30 kg đến 60 kg (CP)	Bao 25kg	220.500	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
3	Từ 15kg đến 30 kg (NUPAK)	Bao 25kg	250.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
4	Từ 30 kg đến 60 kg (NUPAK)	Bao 25kg	240.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
5	Từ 61 kg đến xuất chuồng (NUPAK)	Bao 25kg	237.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
d. Nguyên liệu								
1	Bắp nhuyễn	Kg	7.200	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
2	Tấm nhuyễn	Kg	7.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
3	Cám gạo	Kg	6.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
4	Bột cá nư	Kg	20.500	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)
5	Khô đậu nành	Kg	13.000	Giá không đổi		Giá không đổi		(*)

(*) Thịt heo hơi tại Trại heo hộ Nguyễn Thị Châu - xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn